

Bản án số: 106/2018/HSST.

Ngày: 12-6-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TC, TỈNH SƠN LA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Lê Thị Chiến.

Các Hội thẩm nhân nhân:

1. Bà Lê Hồng Nhung

2. Ông Lò Thanh Dung

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Mai- Thư ký Tòa án nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La tham gia phiên tòa: bà Bạc Thị Thoản – kiểm sát viên sơ cấp.

Ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TC mở phiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 114/2018/HSST ngày 25 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2018/QĐXXST-HS ngày 30-5-2018 đối với bị cáo:

Lò Văn B; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 15 tháng 8 năm sinh: 1992 tại xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La; nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La; Dân tộc: Thái; Nghề nghiệp: trồng trọt; Trình độ học vấn: 11/12; con ông Lò Văn D, sinh năm: 1965 và bà Lò Thị K, sinh năm: 1964; vợ là Cà Thị D, sinh năm: 1992 và có 02 con, lớn nhất 03 tuổi, nhỏ nhất 01 tuổi; tiền án, tiền sự: không; bắt tạm giam từ ngày 01/3/2018 đến ngày 19/3/2018 được áp dụng biện pháp ngăn chặn bảo lãnh, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Cộng đồng bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La. Đại diện theo pháp luật là ông Lò Văn S – trưởng bản có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: chị Lò Thị Q, sinh năm 1993. Địa chỉ: bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng giữa tháng 11/2017, Lò Văn B, sinh năm 1992, cùng vợ là Cà Thị D, sinh năm 1992 và em gái là Lò Thị Q, sinh năm 1993, cùng trú tại bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La đi vào khu vực rừng phòng hộ thuộc bản N, xã MB, huyện TC để phát rừng lấy đất làm nương trồng lúa. Khi đi, B, D và Q mỗi người mang theo 01 (Một) con dao quắm để chặt phá những bụi cây, dây leo. Phát được khoảng 02 ngày thì Cà Thị D nghỉ ở nhà, còn Lò Văn B và Lò Thị Q tiếp tục phát rừng, đến ngày thứ tư Lò Thị Q nghỉ ở nhà, còn Lò Văn B tiếp tục phát rừng, đến ngày thứ bảy, Lò Văn B mang theo 01 (Một) chiếc cưa máy của B vào rừng để cắt hạ những cây to có đường kính trên 10 cm. Khoảng 03 tuần sau Lò Văn B mang theo 01 (Một) chiếc bật lửa ga vào khu rừng đã phát trước đó rồi dùng bật lửa châm vào đóm rồi châm đốt các cây khô, dọn sạch đám nương để trồng lúa, nhưng chưa kịp trồng thì đến ngày 25/12/2017, bị Hạt Kiểm lâm huyện TC kiểm tra phát hiện về hành vi phá rừng trái phép của Lò Văn B và lập biên bản vi phạm bằng biện pháp đình chỉ hành vi vi phạm đối với Lò Văn B (BL 85-118 hồ sơ).

Ngày 03/01/2018, Hạt kiểm lâm huyện TC phối hợp với các Cơ quan chức năng tiến hành khám nghiệm hiện trường rừng và diện tích rừng bị Lò Văn B chặt phá. Bằng phương pháp đo đếm sử dụng máy GPS để đo diện tích rừng bị chặt phá. Kết quả như sau:

****Hiện trường chung:***

Hiện trường xảy ra vụ phát phá rừng trái phép là tại lô 5 khoảnh 1 tiểu khu 250B thuộc bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La;

Phía bắc giáp với rừng phòng hộ thuộc bản N.

Phía nam giáp với rừng phòng hộ thuộc bản N.

Phía tây giáp với khu rừng phòng hộ.

Phía Đông giáp với đường biên giới bản Chóng, Điện Biên

****Hiện trường cụ thể:***

Toàn bộ diện tích rừng bị phá hủy có tổng diện tích là 3.130 m².

Toàn bộ các cây đều bị cưa tại phần gốc cây, thấp nhất cách mặt đất 10cm, cây cao nhất cách mặt đất 130 cm còn để lại vết cắt, vết cưa hạ.

Phần thảm thực vật bao gồm cỏ, cây thấp và gốc cây bị đốt cháy, trên cây còn để lại phần muội than màu đen, lớp cỏ bị cháy rụi hoàn toàn.

Tổng số gốc cây bị chặt phá là 43 cây (Bốn mươi ba cây) gồm: Cây đường kính 10 cm có 25 cây; Cây đường kính 15 cm có 14 cây; Cây đường kính 20 cm có 03 cây; Cây đường kính 45 cm có 01 cây. Tổng khối lượng cây gỗ bị chặt phá là 4,18 m³ (BL 34-41 hồ sơ).

Ngày 06/02/2018, Hạt kiểm lâm huyện TC đã sử dụng thiết bị máy GPS để đo diện tích và sử dụng bản đồ kiểm kê rừng năm 2015, bản đồ giao đất, giao rừng năm 2003, bản đồ quy hoạch 03 loại rừng xác định vị trí khu rừng Lò Văn B đã chặt phá, đốt làm trái phép thuộc Lô 5 khoảnh 1, tiểu khu 250B theo bản đồ kiểm kê rừng năm 2015 và tương ứng với vị trí Lô d khoảnh 1 tiểu khu 250B theo bản

đồ giao đất, giao rừng năm 2003, là rừng phòng hộ của cộng đồng bản N, xã MB, huyện TC. Tổng diện tích bị phá là 3.130m² (BL 31-32 hồ sơ).

Ngày 14/3/2018 Cơ quan CSĐT Công an huyện TC đã ra yêu cầu định giá tài sản số 95/YC: Đề nghị Hội đồng định giá tài sản huyện TC, tỉnh Sơn La xác định giá trị thiệt hại gỗ rừng do Lò Văn B thực hiện hành vi chặt phá gây ra. Tại bản Kết luận số 89/KL-HĐĐG ngày 14/3/2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện TC xác định: “ *Giá trị thiệt hại đối với 4,18m³ gỗ tạp từ nhóm V đến VIII do Lò Văn B chặt phá có giá trị là 6.724.000 đồng (Sáu triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng)*” (BL 42-45 hồ sơ).

Quá trình điều tra Cơ quan điều tra Công an huyện TC đã tạm giữ: 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 39 cm, bản dao rộng 4 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 42 cm cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 3,5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 69 cm cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 29 cm cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) cưa máy nhãn hiệu CHANSAW G5200 màu cam, lưỡi cưa nhãn SPADA LT20-50 có kích thước 53cm x 8 cm cũ đã qua sử dụng của gia đình Lò Văn B, B khai sử dụng làm công cụ để phát phá rừng(BL 46-54 hồ sơ).

Hành vi chặt phá 3.130 m² rừng phòng hộ của Lò Văn B đã vượt mức tối đa xử lý vi phạm hành chính quy định tại Điểm a – Khoản 2 – Điều 7; Điểm d – Khoản 5 – Điều 20 Nghị Định số: 157/2013/NĐ – CP ngày 11/11/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính về quản lý, phát triển rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản.

Căn cứ Điểm b – Tiêu mục 3.6 – Khoản 3 – Mục IV Thông tư liên tịch số: 19 ngày 8/3/2007 của BNN & PTNN – BTP – BCA – VKSNDTC – TANDTC hướng dẫn áp dụng một số điều của BLHS về các tội phạm trong lĩnh vực quản lý rừng, bảo vệ rừng và quản lý lâm sản có đủ căn cứ để xác định hành vi của Lò Văn B đã cấu thành tội hủy hoại rừng, quy định tại Điểm c – Khoản 1– Điều 243 BLHS.

Bản cáo trạng số 74/CT-VKS ngày 25-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, tỉnh Sơn La đề nghị truy tố bị can Lò Văn B về tội *Hủy hoại rừng* theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS 2015.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện TC giữ quyền công tố luận tội, giữ nguyên quyết định truy tố đối với Lò Văn B về tội *Hủy hoại rừng*. Đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Lò Văn B phạm tội: *Hủy hoại rừng*.

Áp dụng điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 243; khoản 1,2 Điều 65 BLHS 2015. Đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn B từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12-6-2018).

Giao người bị cáo Lò Văn B cho UBND xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã MB, huyện TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS chấp nhận việc bị cáo tự nguyện trồng cây gỗ tạp trên diện tích rừng bị chặt phá và tự nguyện bồi thường Nhà nước là 2.000.000 đồng theo biên lai số 004248 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

Giao diện tích rừng bị cáo đã chặt phá là 3.130m² rừng phòng hộ thuộc Lô 5 khoảnh 1, tiểu khu 250B cho bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La tiếp tục quản lý theo thẩm quyền được giao.

Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 39 cm, bản dao rộng 4 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 42 cm cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị Q;

01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 3,5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 69 cm cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 29 cm cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn B

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (Một) cửa máy nhãn hiệu CHANSAW G5200 màu cam, lưỡi cửa nhãn SPADA LT20-50 có kích thước 53cm x 8 cm cũ đã qua sử dụng.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, lời khai, lời trình bày ý kiến của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng và các tài liệu khác trong hồ sơ vụ án như: biên bản hỏi cung bị can; biên bản khám nghiệm hiện trường; kết luận định giá tài sản...

Tại phiên tòa, đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự: ông Lò Văn S, trưởng bản N, xã MB, huyện TC chấp nhận việc bị cáo tự nguyện trồng cây gỗ tạp trên diện tích rừng bị chặt phá và tự nguyện bồi thường Nhà nước là 2.000.000 đồng; không yêu cầu gì thêm.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lò Văn B: Nhất trí với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đề nghị truy tố, xét xử bị cáo về tội Hủy hoại rừng. Nay bị cáo đã thực sự nhận ra lỗi lầm, bị cáo rất ân hận, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, bị cáo

xin miễn hình phạt bổ sung. Bị cáo nhất trí trồng lại diện tích rừng đã chặt phá theo yêu cầu của nguyên đơn dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Xét hành vi tàng trữ vi phạm chặt phá 3.130m² rừng phòng hộ (trên mức tối đa bị xử phạt vi phạm hành chính theo điểm c khoản 5 Điều 20 Nghị định 157/2013/NĐ-CP ngày 11-11-2013 của Chính phủ) thuộc Lô 5 khoảnh 1, tiểu khu 250B tại bản N, xã MB, huyện TC, Sơn La, mục đích để lấy đất làm nương trồng lúa, thiệt hại lâm sản là 4,18 m³ gỗ tạp trị giá: 6.724.000 đồng (*Sáu triệu bảy trăm hai mươi bốn nghìn đồng*) của bị cáo là vi phạm pháp luật. Bởi, bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự để nhận thức được hành vi chặt phá rừng, không được các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp. Hành vi của bị cáo đã phạm vào tội **Hủy hoại rừng** theo điểm b khoản 3 Điều 189 BLHS 1999.

Tại Điều 189 BLHS 1999 quy định:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép rừng hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi này mà còn vi phạm, thì bị phạt tiền từ mười triệu đồng đến một trăm triệu đồng, cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc bị phạt tù từ sáu tháng đến năm năm.

.....

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

.....

b) Hủy hoại rừng phòng hộ, rừng đặc dụng”

Hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện vào ngày tháng 11 năm 2017 chịu sự điều chỉnh của Bộ luật hình sự năm 1999 nhưng mức hình phạt đối với tội Hủy hoại rừng theo Bộ luật hình sự năm 2015 thấp hơn, có lợi hơn cho bị cáo so với Bộ luật hình sự năm 1999.

Điều 243 Bộ luật hình sự quy định:

“1. Người nào đốt, phá rừng trái phép hoặc có hành vi khác hủy hoại rừng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 01 năm đến 05 năm:

...

c) Rừng phòng hộ có diện tích từ 3.000 mét vuông (m²) đến dưới 7.000 mét vuông (m²).

4. *Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm.*”

Theo Nghị quyết 41/2017/QH13 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; Khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS 2015 đối với bị cáo.

[2] Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội bởi hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về khai thác và bảo vệ rừng, xâm hại đến sự ổn định và bền vững của môi trường sinh thái. Do đó cần áp dụng điểm c khoản 1 Điều 243 BLHS 2015 có mức hình phạt từ 01 đến 05 năm đối với các bị cáo.

[3] Xét nhân thân bị cáo là người chưa có tiền án, tiền sự, có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự; sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn; phạm tội lần đầu thuộc; tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn, hối cải. Ngoài lần phạm tội này ra, bị cáo luôn chấp hành tốt đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; có nơi cư trú rõ ràng; có đơn hưởng án treo có xác nhận của chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra ngoài xã hội mà tạo điều kiện cho bị cáo cải tạo tại địa phương cũng đủ sức răn đe, giáo dục bị cáo. Do đó cần áp dụng Điều 60 BLHS 1999; Điều 65 BLHS 2015 để xử phạt tù nhưng cho hưởng án treo đối với bị cáo.

[4] Xét tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: trong quá trình điều tra và tại phiên tòa đã ăn năn hối cải, thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình; bị cáo tự nguyện trồng cây gỗ tạp trên diện tích rừng bị cáo chặt phá và tự nguyện bồi thường Nhà nước là 2.000.000 đồng; bị cáo sinh sống ở vùng đặc biệt khó khăn nên cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46 BLHS 1999; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51 BLHS 2015 đối với bị cáo.

[5] Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 48 Bộ luật hình sự 1999

[6] Đối với hình phạt bổ sung được quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS 2015. Bị cáo không có tài sản gì có giá trị, không có thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định miễn hình phạt bổ sung cho bị cáo.

[7] Về hành vi, quyết định tố tụng của Hạt kiểm lâm huyện TC, Cơ quan điều tra Công an huyện TC Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện TC, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 589 BLDS chấp nhận việc bị cáo tự nguyện trồng cây gỗ tạp trên diện tích rừng bị chặt

phá và tự nguyện bồi thường Nhà nước là 2.000.000 đồng theo biên lai số 004248 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

Giao diện tích rừng bị cáo đã chặt phá là 3.130m² rừng phòng hộ thuộc Lô 5 khoảnh 1, tiểu khu 250B cho bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La tiếp tục quản lý theo thẩm quyền được giao.

[9] Về vật chứng:

Đối với 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 39 cm, bản dao rộng 4 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 42 cm cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị Q, là công cụ phương tiện chặt phá rừng, hết giá trị sử dụng cần áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 3,5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 69 cm cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 29 cm cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn B, là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, hết giá trị sử dụng cần áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu tiêu hủy

Đối với 01 (Một) cưa máy nhãn hiệu CHANSAW G5200 màu cam, lưỡi cưa nhãn SPADA LT20-50 có kích thước 53cm x 8 cm cũ đã qua sử dụng là công cụ phương tiện bị cáo dùng vào việc phạm tội, còn giá trị sử dụng cần áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung công quỹ Nhà nước.

[10] Đối với hành vi Cà Thị D và Lò Thị Q là người tham gia giúp sức phá rừng cùng Lò Văn B, Dói và Quân tham gia mức độ không liên tục, thường xuyên nên vấn đề xử lý hình sự không đặt ra

[11] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng theo Điều 136 BLTTHS 2015 và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[12] Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh và hình phạt

Căn cứ điểm b, khoản 3 Điều 189; điểm b,p khoản 1, khoản 2 Điều 46; khoản 1,2 Điều 60 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội Việt Nam; khoản 3 Điều 7; điểm b,s khoản 1,2 Điều 51; điểm c khoản 1 Điều 243; khoản 1,2 Điều 65 BLHS 2015

- Tuyên bố bị cáo Lò Văn B phạm tội Hủy hoại rừng;
- Xử phạt bị cáo Lò Văn B 12 (mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách 24 (hai mươi tư) tháng. Thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 12-6-2018).

Giao người bị cáo Lò Văn B cho UBND xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã MB, huyện TC trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú hoặc nơi làm việc thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục thực hiện theo quy định tại Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền được quy định tại khoản 4 Điều 243 BLHS.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 BLHS 2015; Điều 584, 585, 589 BLDS chấp nhận việc bị cáo tự nguyện trồng cây gỗ tạp trên diện tích rừng bị cáo chặt phá và tự nguyện bồi thường Nhà nước là 2.000.000 đồng theo biên lai số 004248 ngày 12 tháng 6 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TC.

Giao diện tích rừng bị cáo đã chặt phá là 3.130m² rừng phòng hộ thuộc Lô 5 khoảnh 1, tiểu khu 250B cho bản N, xã MB, huyện TC, tỉnh Sơn La tiếp tục quản lý theo thẩm quyền được giao.

3. Về vật chứng: Áp dụng Điều 47 BLHS 2015; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy:

01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 39 cm, bản dao rộng 4 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 42 cm cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lò Thị Q;

01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 3,5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 69 cm cũ đã qua sử dụng; 01 (Một) con dao quắm chiều dài phần dao là 38 cm, bản dao rộng 5 cm, chuôi dao bằng gỗ dài 29 cm cũ đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo Lò Văn B

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước: 01 (Một) cửa máy nhãn hiệu CHANSAW G5200 màu cam, lưỡi cửa nhãn SPADA LT20-50 có kích thước 53cm x 8 cm cũ đã qua sử dụng.

4. Án phí:

Căn cứ Điều 136 BLHS 2015; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng

5. Quyền kháng cáo

Căn cứ Điều 331, 333 BLTTHS năm 2015 báo cho bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; nguyên đơn dân sự có quyền

kháng cáo về phần bồi thường thiệt hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần trực tiếp liên quan đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Sơn La
- CA huyện TC;
- Chi cục THADS huyện TC;
- UBND xã MB, huyện TC;
- Bị cáo;
- Lưu án văn;
- Lưu: Hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Chiến